

ẢNH HƯỞNG CỦA NĂNG LỰC QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP TỚI KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TS. Cù Thanh Thủy

Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

*Tác giả liên lạc: thanhthuyktdt85@gmail.com

TÓM TẮT

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm phân tích ảnh hưởng của năng lực quản lý của lãnh đạo các doanh nghiệp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp được thể hiện thông qua: Năng lực trong quá trình lập kế hoạch, tổ chức, lãnh đạo và kiểm soát. Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ khảo sát 456 lãnh đạo các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh. Kết quả nghiên cứu cho thấy, năng lực quản lý của lãnh đạo các doanh nghiệp có ảnh hưởng tích cực tới kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Từ đó, nghiên cứu có đề xuất một số kiến nghị nhằm phát huy hơn nữa ảnh hưởng tích cực mà năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Từ khóa: *Năng lực quản lý, lãnh đạo doanh nghiệp, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.*

IMPACT OF COMPANY DIRECTLY OFF BUSINESS PERFORMANCE RESULTS BUSINESS

PhD. Cu Thanh Thuy

Hanoi University of Architecture

* Corresponding Author: thanhthuyktdt85@gmail.com

ABSTRACT

This research is being used to paisation the effect of the power management of the leader of the business to the results to make up the business of business. Management capacity of business leaders can be through: Competence in the process of planning, organizing, leading and controlling. The data server for the study was collected from survey 456. Leaders of businesses in Bac Ninh province. Research results show that capacity management of business leaders has a positive influence on business results of enterprises. From there, the study has proposed some knowledge to further promote the positive influence that the management capacity of business leaders leads to the results of production and business activities of enterprises.

Keywords: *Management capacity, business leadership, production and business results.*

ĐẶT VẤN ĐỀ

Doanh nghiệp được coi như hạt nhân có vai trò quan trọng và quyết định đến sự phát triển kinh tế không chỉ của các địa phương mà còn đối với các quốc gia. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tốt sẽ góp phần giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến việc làm, đóng góp ngân sách địa phương, thúc

đẩy đổi mới sáng tạo trong bản thân doanh nghiệp, giải quyết các vấn đề xã hội khác,... Để có thể có những kết quả đó, một bộ phận không thể thiếu trong các doanh nghiệp và được coi là nguồn nhân lực chất lượng cao trong các doanh nghiệp đó chính là đội ngũ lãnh đạo của các doanh nghiệp. Việc doanh nghiệp tiếp cận theo các hướng phát triển như thế nào, định

hướng doanh nghiệp ra sao, doanh nghiệp có thể lớn mạnh và phát triển được hay không... phụ thuộc lớn vào đội ngũ lãnh đạo của các doanh nghiệp. Năng lực lãnh đạo của doanh nghiệp có ảnh hưởng trực tiếp tới kết quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp (Jair De Oliveira và cộng sự, 2015).

Tỉnh Bắc Ninh được biết đến là địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế, tốc độ thu hút các doanh nghiệp cũng như các nhà đầu tư hàng đầu của Việt Nam, tính đến hết năm 2018 tổng số doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là 7471 doanh nghiệp, lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp năm 2018 đạt khoảng 93,6 nghìn tỷ đồng, thu nhập bình quân 1 tháng của người lao động đạt khoảng 9,7 triệu đồng. Điều đó cho thấy những đóng góp đáng kể của các doanh nghiệp không chỉ với hoạt động của chính họ mà còn đóng góp cho cộng đồng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế của địa phương và quốc gia theo.

Chính vì vậy, việc lựa chọn tỉnh Bắc Ninh là địa phương nghiên cứu của bài viết này là hoàn toàn phù hợp. Nghiên cứu sẽ sử dụng khảo sát các lãnh đạo doanh nghiệp trong các lĩnh vực (Công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ) trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, để từ đó xem xét những đánh giá của chính lãnh đạo các doanh nghiệp này về mức độ ảnh hưởng của năng lực lãnh đạo doanh nghiệp đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Kết quả nghiên cứu là cơ sở cho tác giả có thể đề xuất các kiến nghị nhằm thúc đẩy hơn nữa những ảnh hưởng tích cực mà năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp mang lại cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU

Có tương đối nhiều cách tiếp cận khác nhau khi nghiên cứu về năng lực quản lý của lãnh đạo các doanh nghiệp, cụ thể như sau:

Năng lực quản lý của giám đốc các doanh nghiệp được hiểu là tổng hợp các kiến thức, kỹ năng và phẩm chất cá nhân của giám đốc doanh nghiệp để đảm bảo đạt được kết quả cao trong hoạt động quản lý và điều hành doanh nghiệp được Susan E.Jacson và cộng sự (2000) chỉ ra trong nghiên cứu của mình. Trong khi đó Ronald.T.Bert và Ricky W. Griffin (1999) đã nhấn mạnh đến các chức năng quan trọng tạo ra giá trị cốt lõi của doanh nghiệp là nguồn nhân lực quản trị doanh nghiệp. Nguồn nhân lực quản trị doanh nghiệp quyết định sự thành công hay thất bại của doanh nghiệp và tiếng vang của thương hiệu.

Khi tiếp cận góc độ cách thức để phát triển năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu của Cohen và Levinthal (2000), Barriger và Jones (2004) cho rằng đào tạo và đổi mới có mối quan hệ với phát triển năng lực quản lý doanh nghiệp.

Các nghiên cứu của Cohen và Levinthal (2000), Barriger và Jones (2004), Jair De Oliveira và cộng sự (2015) có sự đồng nhất tương đối khi chỉ ra rằng, năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp có mối quan hệ với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Các nghiên cứu này đều sử dụng khung lý thuyết của Henry Mintzberg (1973), Henry Mintberg (2009) làm cơ sở lý thuyết trong nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu của các nghiên cứu chỉ ra mối quan hệ cùng chiều giữa năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tại Việt Nam, các nhà nghiên cứu cũng đã có những nghiên cứu liên quan đến năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp, sử dụng dữ liệu từ khảo sát 109 nhà lãnh đạo doanh nghiệp ở các tỉnh Tây Nguyên của Việt Nam, tác giả Nguyễn Tô Như và Nguyễn Thị Ngọc Lợi (2015), trong nghiên cứu của mình đã phân tích nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp về cộng đồng kinh tế AEC, để từ đó, tác giả có những phân tích chỉ ra rằng, các lãnh đạo

doanh nghiệp chưa thực sự hiểu về bối cảnh mới mà doanh nghiệp đang phải đối mặt, chính vì vậy, các doanh nghiệp còn hạn chế trong việc điều chỉnh chiến lược kinh doanh. Cũng sử dụng phương pháp thu thập dữ liệu sơ cấp và phân tích dữ liệu dựa trên phương pháp thống kê mô tả, tuy nhiên tác giả Bùi Thị Mùi (2014) trong nghiên cứu của mình hướng đối tượng lãnh đạo hẹp lại đó là lãnh đạo nữ, không gian nghiên cứu được tác giả lựa chọn để thu thập dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu là tại các trường công lập tại tỉnh Cần Thơ. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các giải pháp, khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường năng lực quản lý của cán bộ nữ các trường công lập tại Cần Thơ. Nguyễn Vĩnh Giang (2004), Trần Kiều Trang (2012), Đỗ Anh Đức (2015) nghiên cứu về năng lực quản lý của giám đốc doanh nghiệp nhỏ vừa vừa, tuy nhiên, phương pháp nghiên cứu sử dụng là phương pháp thống kê mô tả, cả hai nghiên cứu đều thực hiện trên địa bàn thành phố Hà Nội. Nghiên cứu đã phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến năng lực quản lý của chủ các doanh nghiệp trên địa bàn Hà Nội. Các yếu tố cấu thành năng lực quản lý doanh nghiệp là kiến thức kinh doanh, kiến thức quản lý và kỹ năng quản lý. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực quản lý của chủ doanh nghiệp gồm có nhân tố thuộc về bản thân và gia đình của chủ doanh nghiệp, Các nhân tố thuộc về doanh nghiệp; Các nhân tố thuộc về môi trường vĩ mô của doanh nghiệp. Kế thừa các nghiên cứu trước đây về phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận, nghiên cứu này được thực hiện nhằm lượng hóa được mối quan hệ giữa năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp (theo chức năng quản lý) tới kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát các lãnh đạo doanh nghiệp. Phương pháp hồi quy bình phương nhỏ nhất sẽ được sử dụng cho nghiên cứu.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ nguồn dữ liệu thứ cấp và nguồn dữ liệu sơ cấp. Cụ thể:

Đối với dữ liệu thứ cấp: Dữ liệu phục vụ cho nghiên cứu được thu thập từ các tài liệu được công bố, cụ thể là niên giám thống kê của tỉnh Bắc Ninh liên quan đến doanh nghiệp.

Đối với dữ liệu sơ cấp:

Dữ liệu sơ cấp gồm các số liệu khảo sát được thu thập thông qua khảo sát sử dụng bảng khảo sát đã được chuẩn hóa với các lãnh đạo của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Kích thước của mẫu áp dụng trong nghiên cứu này được dựa theo quan điểm của Nguyễn Văn Thắng (2014), quy mô mẫu tối thiểu để thực hiện các phép toán thống kê là 100 quan sát. Theo đó quy mô mẫu tối thiểu đảm bảo cho nghiên cứu là 100 quan sát. Tác giả đã thực hiện phát đi 625 phiếu khảo sát cho lãnh đạo các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực khác nhau, cơ cấu mẫu khảo sát được phân chia tỷ lệ theo tổng thể mẫu theo các loại hình doanh nghiệp. Sau đó, tác giả thu lại được 513 phiếu khảo sát, với phiếu khảo sát này tác giả thực hiện nhập liệu dữ liệu vào phần mềm excel và loại bỏ những phiếu khảo sát không đáp ứng được yêu cầu về thông tin do thiếu thông tin cung cấp, còn lại 456 quan sát đáp ứng được yêu cầu. Với 456 quan sát này đáp ứng điều kiện quy mô mẫu tối thiểu để có thể thực hiện các phép toán thống kê.

Với dữ liệu được thu thập, nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, hồi quy bình phương nhỏ nhất và diễn dịch kết quả nghiên cứu.

Đối với phương pháp mô hình hóa nhằm lượng hóa mối quan hệ giữa năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, các biến số được sử dụng như sau:

Bảng 1. Các biến số sử dụng trong nghiên cứu

Thang đo	Ký hiệu	Căn cứ chọn biến
Biến phụ thuộc		
Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp	KQKD	Henry Mintzberg (2009), Mai Anh Bảo và cộng sự (2014), Đỗ Anh Đức (2015)
Biến độc lập		
+ Năng lực quản lý trong quá trình lập kế hoạch + Năng lực quản lý trong quá trình tổ chức + Năng lực quản lý trong quá trình lãnh đạo + Năng lực quản lý trong quá trình kiểm soát	LKH TC LD KS	Jair De Oliveira et al (2015), Ronald.T.Bert & Ricky W. Griffin (1999), Mai Anh Bảo và cộng sự (2014)

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Kết quả phát triển các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh bắc ninh

Trong giai đoạn 2016-2018, quy mô doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh theo loại hình doanh nghiệp trên địa

bàn tỉnh Bắc Ninh có xu hướng tăng, cụ thể như sau:

Bảng 2. Quy mô doanh nghiệp theo loại hình doanh nghiệp

ĐVT: Doanh nghiệp

Năm	2016	2017	2018
Tổng số	5320	6980	7471
1. Doanh nghiệp nhà nước	18	16	16
1.1. Trung Ương	12	10	10
1.2. Địa phương	6	6	6
2. Ngoài nhà nước	4642	6084	6375
2.1. Tư nhân	269	261	273
2.2. Công ty TNHH	3663	4907	5145
2.3. Công ty cổ phần	9	9	9
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	660	880	1080
3.1. Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài	635	854	1052
3.2. Doanh nghiệp liên doanh	25	26	28

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh)

Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh tính đến hết năm 2018 chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài nhà nước, năm 2016 các doanh nghiệp ngoài nhà nước 4642 doanh nghiệp chiếm khoảng 87,63% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh, con số này có xu hướng tăng lên và đạt con số 6375 doanh nghiệp năm 2018 về số tuyệt đối, tuy nhiên

về tỷ lệ doanh nghiệp lại có xu hướng giảm chiếm khoảng 85,3% tổng số doanh nghiệp của tỉnh. Các doanh nghiệp ngoài nhà nước đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh chủ yếu là nhóm các công ty TNHH, các công ty này chiếm khoảng 68,9% tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh năm 2018.

Bảng 3. Quy mô lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ĐVT: Người

Năm	2016	2017	2018
Tổng số	331650	400852	411826
1. Doanh nghiệp nhà nước	8575	5618	5850
1.1. Trung Ương	6663	3909	4070
1.2. Địa phương	1912	1709	1780
2. Ngoài nhà nước	110200	118516	124442
2.1. Tư nhân	2862	2624	2755
2.2. Công ty TNHH	76214	82428	86550
2.3. Công ty cổ phần có vốn nhà nước	3188	3264	3427
2.4. Công ty cổ phần không có vốn nhà nước	27972	30200	31710
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	212875	276718	281534
3.1. Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài	209141	273076	277829
3.2. Doanh nghiệp liên doanh	3734	3642	3705

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh)

Quy mô lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016-2018, năm 2016 tổng số lao động làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh là 331650 lao động, con số này tăng lên 411826 lao động năm 2018. Điều này cho thấy vị trí vô cùng quan trọng của các doanh nghiệp trong việc tạo ra công ăn việc làm cho người lao động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Trong số các doanh nghiệp có vị trí và vai trò đối với việc thu hút lực lượng lao động làm việc, các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm khoảng 68,4% tổng số lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, tiếp đó là các doanh nghiệp ngoài nhà nước đã tạo ra việc làm cho

khoảng 30,2% tổng số lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp. Đối với khu vực ngoài nhà nước này, số lao động làm việc chủ yếu cho các công ty TNHH với khoảng 21% tổng số lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Doanh thu thuần đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh có xu hướng tăng trong giai đoạn 2016-2018, năm 2016 doanh thu thuần đạt 831152 tỷ đồng, con số này tăng lên 1399320 tỷ đồng năm 2018.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, doanh thu thuần có xu hướng giảm trong giai đoạn nghiên cứu, năm 2016 doanh thu thuần đối với nhóm doanh nghiệp nhà nước khoảng 13080 tỷ đồng sau đó có giảm xuống còn 4672 tỷ đồng năm 2018.

Bảng 4. Doanh thu thuần sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

ĐVT: Tỷ đồng

Năm	2016	2017	2018
Tổng số	831152	1187298	1399320
1. Doanh nghiệp nhà nước	13080	3737	4672
1.1. Trung Ương	12454	3281	4102
1.2. Địa phương	626	456	570
2. Ngoài nhà nước	124272	169798	183432

2.1. Tư nhân	6549	5768	6230
2.2. Công ty TNHH	82288	117601	127059
2.3. Công ty cổ phần có vốn nhà nước	6662	1457	1573
2.4. Công ty cổ phần không có vốn nhà nước	28773	44972	48570
3. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	693800	1013762	1211216
3.1. Doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài	679088	1008179	1203628
3.2. Doanh nghiệp liên doanh	14712	5584	7588

(Nguồn: Niên giám thống kê tỉnh Bắc Ninh)

Đối với các doanh nghiệp ngoài nhà nước và các doanh nghiệp nước ngoài, doanh thu thuần có xu hướng tăng trong giai đoạn nghiên cứu, năm 2016 doanh thu thuần đối với nhóm doanh nghiệp ngoài nhà nước đạt 124272 tỷ đồng, con số này tăng lên 183432 tỷ đồng năm 2018. Đối với nhóm doanh nghiệp nước ngoài, mức độ tăng của doanh thu thuần mạnh mẽ hơn rất nhiều, năm 2016 doanh thu thuần đạt 693800 tỷ đồng, con số này tăng lên 1211216 tỷ đồng năm 2018.

Trong tổng số doanh thu thuần của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh, doanh thu thuần đóng góp từ nhóm doanh nghiệp nước ngoài chiếm tỷ lệ lớn, năm 2018 tỷ trọng đóng góp doanh thu thuần của các doanh nghiệp chiếm khoảng 68,4% tổng số doanh thu thuần của các doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Về nộp ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh đã nộp ngân sách nhà nước tương đối lớn và có xu hướng tăng trong kỳ nghiên cứu từ 2016-2018, theo kết quả thống kê của Cục thông kê tỉnh Bắc Ninh, năm 2016, các doanh nghiệp nộp ngân sách nhà nước 12417 tỷ đồng, con số này tăng lên 13588 tỷ đồng năm 2018. Việc nộp ngân sách nhà nước có đóng góp lớn của các doanh nghiệp ngoài nhà nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, cụ thể như sau:

Việc đóng góp vào ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài năm 2016 đạt 9325 tỷ đồng, con số này tăng lên 9714 tỷ đồng năm 2018. Trong đó, doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài chiếm hơn 90% khoản đóng góp vào ngân sách nhà nước đối với nhóm doanh nghiệp này.

Nghiên cứu ảnh hưởng của năng lực quản lý của lãnh đạo các doanh nghiệp đối với kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp

Với dữ liệu thu thập được, tác giả thực hiện các phép phân tích thống kê để đảm bảo những dữ liệu thu thập được đảm bảo độ tin cậy và những điều kiện cần thiết trước khi thực hiện lượng hóa mối quan hệ giữa năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp đối với kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tác giả thực hiện việc kiểm tra sự phù hợp của dữ liệu với mô hình nghiên cứu dự kiến: Kết quả trả ra hệ số $R^2 = 0.653$ cho biết các biến độc lập giải thích được khoảng 65,3% biến phụ thuộc. Mô hình nghiên cứu tác giả đang lựa chọn là phù hợp với hệ số $\text{sig} = 0,000$, các biến độc lập có tương quan tuyến tính với biến phụ thuộc trong mô hình.

Sau đó, tác giả thực hiện hồi quy đa biến các biến độc lập với biến phụ thuộc, kết quả cụ thể như sau:

Bảng 5. Kết quả hồi quy mô hình nghiên cứu

Model	Standardized Coefficients	t	Sig.
	Beta		

1	TC	.450	16.223	.000
	LKH	.456	16.431	.000
	LD	.404	14.572	.000
	KS	.281	10.135	.000
Dependent Variable: KQKD				

(Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu nghiên cứu của tác giả)

Từ kết quả phân tích dữ liệu cho thấy

+ $B_{TC} = 0.450$, mang dấu (+) thể hiện mối quan hệ cùng chiều giữa biến độc lập và biến phụ thuộc, lãnh đạo doanh nghiệp thực hiện chức năng trong quá trình tổ chức tốt thì kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ tốt hơn và hiệu quả hơn.

+ $B_{LKH} = 0.456$, mang dấu (+) thể hiện quan hệ cùng chiều thể hiện nếu năng lực quản lý trong quá trình lập kế hoạch càng tốt thì kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ càng hiệu quả.

+ $B_{LD} = 0.404$, mang dấu (+) thể hiện quan hệ cùng chiều giữa biến độc lập và biến phụ thuộc, việc thực hiện năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp trong quá trình lãnh đạo tốt, sẽ đảm bảo doanh nghiệp hoạt động hiệu quả, khi đó kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp cũng sẽ thay đổi theo hướng tích cực.

+ $B_{KS} = 0.281$, mang dấu (+) thể hiện quan hệ cùng chiều giữa biến độc lập và biến phụ thuộc. Việc kiểm soát công ty tốt, lãnh đạo doanh nghiệp nhỏ và vừa đã góp phần rất lớn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty được ổn định và từ đó kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là tốt hơn.

Tóm lại, năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp đều có ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng của từng chức năng trong năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp là khác nhau. Kết quả nghiên cứu của tác giả ủng hộ quan điểm của Jair De Oliveira và cộng sự (2015), Mai Anh Bảo và cộng sự (2014).

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ

Dựa trên kết quả nghiên cứu, để phát huy những ảnh hưởng tích cực của năng lực quản lý của lãnh đạo doanh nghiệp đối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, một số kiến nghị được đề xuất như sau:

Lãnh đạo doanh nghiệp cần có những kế hoạch bồi dưỡng và phát triển nguồn lực trong các doanh nghiệp, phân quyền về các bộ phận theo chức năng nhiệm vụ được quy định tại doanh nghiệp.

Lãnh đạo doanh nghiệp cần tiếp tục bổ sung, cập nhật những kiến thức chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh của các doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của các công việc, đặc biệt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay.

Lãnh đạo doanh nghiệp cần bổ sung và rèn luyện hơn nữa kỹ năng quản lý doanh nghiệp, tạo động lực thúc đẩy nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, đảm bảo nguồn lực của doanh nghiệp luôn phấn đấu và cống hiến hết mình cho doanh nghiệp.

Lãnh đạo doanh nghiệp cần xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong doanh nghiệp, cần có định hướng cụ thể cho các “Key Person” của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- BARRIGER B.R, JONES, F. F (2004). Achiving rapid growth: Revisting the managerial capacity proplem. *Journal of development entrepreneuship* 9(1) 73-86.
- BARRIGER B.R, JONES, F. F, NEUBAUM,D.O (2005). A quantitative content analysis of the characteristics of rapid-growth firms and their founders. *Journal of business venturing* 2 663-687.
- BÙI THỊ MÙI (2014). Thực trạng và giải pháp tăng cường năng lực quản lý lãnh đạo của cán bộ nữ các trường công lập tại Cần Thơ. *Tạp chí khoa học- Đại học Cần Thơ* 34 1-12.
- COHEN, LEVINTHAL (2000). Chapter 3: Absorptive Capacity: A New Perspective on Learning and Innovation. *Strategic learning in a knowledge economy* 39-76
- ĐỖ ANH ĐỨC (2015). Nâng cao năng lực quản lý của giám đốc doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn Hà Nội. Luận án tiến sĩ kinh tế. Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội
- JAIR DE OLIVERIA, EDMUNDO ESCRIVAO FILHO (2015). What do small business owner- managers do? A managerial work perspective. *Journal of global entrepreneuship research* 5(19).
- HENRY MINTZBERG (1973). *The Nature of Managerial work*. New york: Harper & Row
- HENRY MINTZBERG (2009). *Managing*. Berrett-Koehler Publishers, ISBN 9781605095325
- RONALD.J.BERT & RICKY W. GRIFFIN (1999). *Business*. Prentice Hall, ISBN 9780130796110
- NGUYỄN TỐ NHU, NGUYỄN THỊ NGỌC LỢI (2015). Đánh giá nhận thức và phản ứng chiến lược của lãnh đạo doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập AEC- Nghiên cứu trên địa bàn các tỉnh Tây Nguyên. *Kỷ yếu hội thảo khoa học quản trị và kinh doanh- COMB 2015*. Đại học Đà Nẵng
- NGUYỄN VĨNH GIANG, (2004). Nâng cao năng lực của cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp quốc doanh ở Hà Nội. Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- NGUYỄN VĂN THẮNG (2014). *Thực hành nghiên cứu trong Kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- TRẦN KIỀU TRANG (2012). Phát triển năng lực quản lý của đội ngũ chủ doanh nghiệp nhỏ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay – Nghiên cứu điển hình trên địa bàn Hà Nội. Luận án tiến sỹ. Trường Đại học Thương mại.